

Số: 56/TT-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 5 và Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 5

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 5087
	Ngày: 19/6/18
	Chuyển:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 74/HĐND-KTNS ngày 10/4/2018, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 5 và Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 5, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1722/QĐ-TTg ngày 2/9/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (viết tắt là MTQG) Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

Trên cơ sở đó, trong các năm: 2017, 2018 UBND tỉnh đã chỉ đạo việc phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đối với nguồn vốn sự nghiệp còn gặp nhiều bất cập, khó khăn

nhu: Nguồn vốn bố trí thấp, phân bổ dàn trải, khó triển khai thực hiện (*vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng đối với Tiểu dự án 2 của Dự án 1*); tỷ lệ bố trí vốn đối với một số xã thực hiện chương trình chưa phù hợp theo nhu cầu (*vốn sự nghiệp đối với Tiểu dự án 4 của Dự án 1*); việc bố trí vốn để thực hiện một số nhiệm vụ của các sở ngành liên quan ở Dự án 4, Dự án 5 chưa phù hợp với tình hình thực tế.

Vì vậy, để đảm bảo thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh được hiệu quả, phù hợp với điều kiện tình hình thực tế của địa phương thì việc xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi nêu trên là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 5 cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh nhằm phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn được giao.

2. Quan điểm chỉ đạo

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 74/HĐND-KTNS ngày 10/4/2018, UBND tỉnh đã giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Sau khi xây dựng hoàn thành nội dung dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương có liên quan bằng văn bản; đồng thời, đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức và cá nhân đối với dự thảo Nghị quyết. Sau khi tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan có liên quan, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 71/BC-STP ngày 18/5/2018; ngày 29/5/2018, UBND tỉnh đã chủ trì họp nghe, cho ý kiến chỉ đạo hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết để trình HĐND tỉnh tại kỳ họp này.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được xây dựng dưới hình thức quy định trực tiếp, trong đó gồm 03 điều.

2. Nội dung cơ bản

2.1 Sửa đổi, bổ sung nội dung định mức phân bổ vốn được quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 là:

“Đối với vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm” thành:

“Đối với vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm.

Nguyên tắc phân bổ vốn: Theo thứ tự ưu tiên đối với 19 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trong năm kế hoạch thuộc giai đoạn 2018-2020; cụ thể: năm 2018 bố trí cho 7 xã, năm 2019 bố trí cho 6 xã, năm 2020 bố trí cho 6 xã”.

* *Lý do sửa đổi, bổ sung: Nguồn vốn bố trí thực hiện cho công tác duy tu bảo dưỡng cho 19 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững là quá thấp, khó thực hiện nếu chia đều theo đối tượng thụ hưởng hằng năm (bình quân dưới 100 triệu đồng/xã/năm)*

Mục tiêu sửa đổi là nhằm tập trung nguồn lực, tránh bố trí dàn trải nguồn lực, dẫn đến hiệu quả đầu tư thấp. Nội dung này, trong năm 2018, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã thống nhất phân bổ kinh phí duy tu bảo dưỡng cho 7 xã bãi ngang ven biển.

2.2 Sửa đổi nội dung được quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 là:

“Phương pháp tính định mức phân bổ vốn:

Tổng nguồn vốn sự nghiệp cho một huyện = A x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện được xác định như sau:

Tổng kinh phí sự nghiệp của Trung ương giao cho tỉnh

A = $\frac{\text{Tổng kinh phí sự nghiệp của Trung ương giao cho tỉnh}}{\text{Tổng hệ số theo tiêu chí của các huyện trên địa bàn tỉnh}}$

X: Tổng các hệ số theo nhóm tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).”

thành:

“Phương pháp tính định mức phân bổ vốn:

- Định mức phân bổ đối với xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo là 30 triệu đồng/xã/năm (trừ các xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã lên phường, thị trấn)”

- Định mức phân bổ vốn cho các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP:

Tổng nguồn vốn sự nghiệp cho một huyện = A x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện nghèo được xác định như sau:

$$A = \frac{\left(\begin{array}{c} \text{Tổng kinh phí} \\ \text{sự nghiệp của Trung ương} \\ \text{giao cho tỉnh thực hiện} \\ \text{Tiểu dự án 4} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{c} \text{Kinh phí phân bổ} \\ \text{cho các xã ĐBKK} \\ \text{vùng bãi ngang} \\ \text{ven biển và hải đảo} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{c} \text{Kinh phí giao} \\ \text{cho Sở Lao động} \\ \text{Thương binh và Xã hội} \end{array} \right)}{\text{Tổng hệ số theo tiêu chí của các huyện nghèo trên địa bàn tỉnh}}$$

X: Tổng các hệ số theo nhóm tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo) của huyện nghèo”.

* Lý do sửa đổi, bổ sung: Vì nếu phân bổ cho xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo hệ số chung của huyện, thành phố (theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND) thì kết quả phân bổ sẽ bất hợp lý giữa các huyện, thành phố có xã bãi ngang ven biển và hải đảo như: Thành phố Quảng Ngãi có 01 xã cũng được phân bổ bằng huyện Đức Phổ có 04 xã, bằng huyện Mộ Đức có 05 xã và bằng huyện Lý Sơn có 03 xã.

- Mục tiêu sửa đổi Nghị quyết nhằm phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế tại địa phương.

2.3 Sửa đổi nội dung được quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 5 của Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 là:

“b) Định mức phân bổ vốn: Giao Sở Thông tin và Truyền thông 50% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 4; giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội 50% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 4” thành:

“b) Định mức phân bổ vốn: Giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội 40% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 4; giao cho Sở Thông tin và Truyền thông, UBND 6 huyện miền núi và huyện Lý Sơn 60% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 4”.

* Lý do sửa đổi: Tập trung nguồn lực thực hiện Dự án 4 đối với 6 huyện miền núi và huyện đảo của tỉnh.

Phạm vi hỗ trợ là phù hợp với quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND; trong đó: quy định phạm vi và đối tượng áp dụng là ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc miền núi.

2.4 Sửa đổi nội dung được quy định tại điểm b, điểm c Khoản 5 Điều 5 của Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 là:

“b) Tiêu chí phân bổ:

Tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Hệ số
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 40%	0,18
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 40% đến dưới 45%	0,20
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% đến dưới 60%	0,22
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 60% đến dưới 75%	0,24
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 75% trở lên	0,26

Quy mô hộ nghèo

Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 2.500 hộ	0,18
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 2.500 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,20
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,22
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,24
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 8.000 hộ trở lên	0,26

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

c) Định mức phân bổ vốn:

“+ Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 60% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 5”.

+ 40% kinh phí còn lại của Dự án 5 được phân bổ như sau:

Tổng kinh phí sự nghiệp bố trí cho một huyện = A x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện được xác định như sau:

Tổng kinh phí sự nghiệp của Trung ương giao cho tỉnh thực
hiện Dự án 5 – (trừ) Kinh phí giao cho Sở Lao động -
Thương binh và Xã hội

$$A = \frac{\text{Tổng kinh phí sự nghiệp của Trung ương giao cho tỉnh thực hiện Dự án 5 – (trừ) Kinh phí giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội}}{\text{Tổng hệ số theo tiêu chí của các huyện trên địa bàn tỉnh}}$$

X: Tổng các hệ số theo nhóm tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo”

thành:

“b) Tiêu chí phân bổ:

Đơn vị hành chính

Đơn vị hành chính	Hệ số
Huyện có số xã dưới 5 xã	0,06
Huyện có số xã từ 5 xã đến dưới 7 xã	0,08
Huyện có số xã từ 7 xã đến dưới 10 xã	0,10
Huyện có số xã từ 10 xã đến dưới 15 xã	0,12
Huyện có số xã từ 15 xã trở lên	0,16

c) Định mức phân bổ vốn:

+ Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở ngành liên quan 60% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 5 để thực hiện hoạt động nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá.

+ Giao UBND các huyện, thành phố 40% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 5 để thực hiện hoạt động nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá.

Tổng kinh phí sự nghiệp bố trí cho một huyện, thành phố = $A \times X$

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện, thành phố được xác định như sau:

$$A = \frac{\left(\begin{array}{c} \text{Tổng kinh phí sự nghiệp} \\ \text{của Trung ương giao cho tỉnh} \\ \text{thực hiện Dự án 5} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{c} \text{Kinh phí giao cho} \\ \text{Sở Lao động Thương binh và Xã hội} \\ \text{và các sở ngành liên quan} \end{array} \right)}{\text{Tổng hệ số đơn vị hành chính của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh}}$$

X: Hệ số đơn vị hành chính của huyện, thành phố.”

* Lý do sửa đổi: Phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đã bổ sung, chỉnh sửa theo góp ý của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 71/BC-STP ngày 18/5/2018, sửa đổi nội dung được quy định tại điểm b, điểm c Khoản 5 Điều 5 của Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017

2.5 Bổ sung nội dung quy định tại Điều 6 của Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 là:

“Hàng năm, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (các huyện đồng bằng: Ngân sách huyện 5%, ngân sách tỉnh 10%; các huyện miền núi: Ngân sách huyện 2%, ngân sách tỉnh 13%); thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại quy định này” thành:

“Hàng năm, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (các

huyện đồng bằng: Ngân sách huyện 5%, ngân sách tỉnh 10%; các huyện miền núi: Ngân sách huyện 2%, ngân sách tỉnh 13%); thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại quy định này. Đối với nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh để thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, căn cứ tình hình thực tế của các địa phương, giao UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí thực hiện cho phù hợp”.

** Lý do bổ sung: Phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đã bổ sung chỉnh sửa theo góp ý của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 71/BC-STP ngày 18/5/2018.*

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 9 xem xét, quyết nghị (kèm theo dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 5 và Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 5)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, KT.dat289.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng